

BẢN TIN TUẦN

“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”

(Tuần 05: 01/02/2023 đến 07/02/2023)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần 05 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 07/02/2023

1. Vị trí giám sát

Thực hiện quan trắc chất lượng nước tại 23 vị trí khảo sát chất lượng nước theo đề cương được duyệt, bao gồm 10 vị trí trên trục chính sông Nhuệ cùng 13 vị trí là các kênh trục chính, kênh tiêu và các điểm xả ô nhiễm nghiêm trọng vào hệ thống. Mô tả tổng quan 23 vị trí quan trắc như sau:

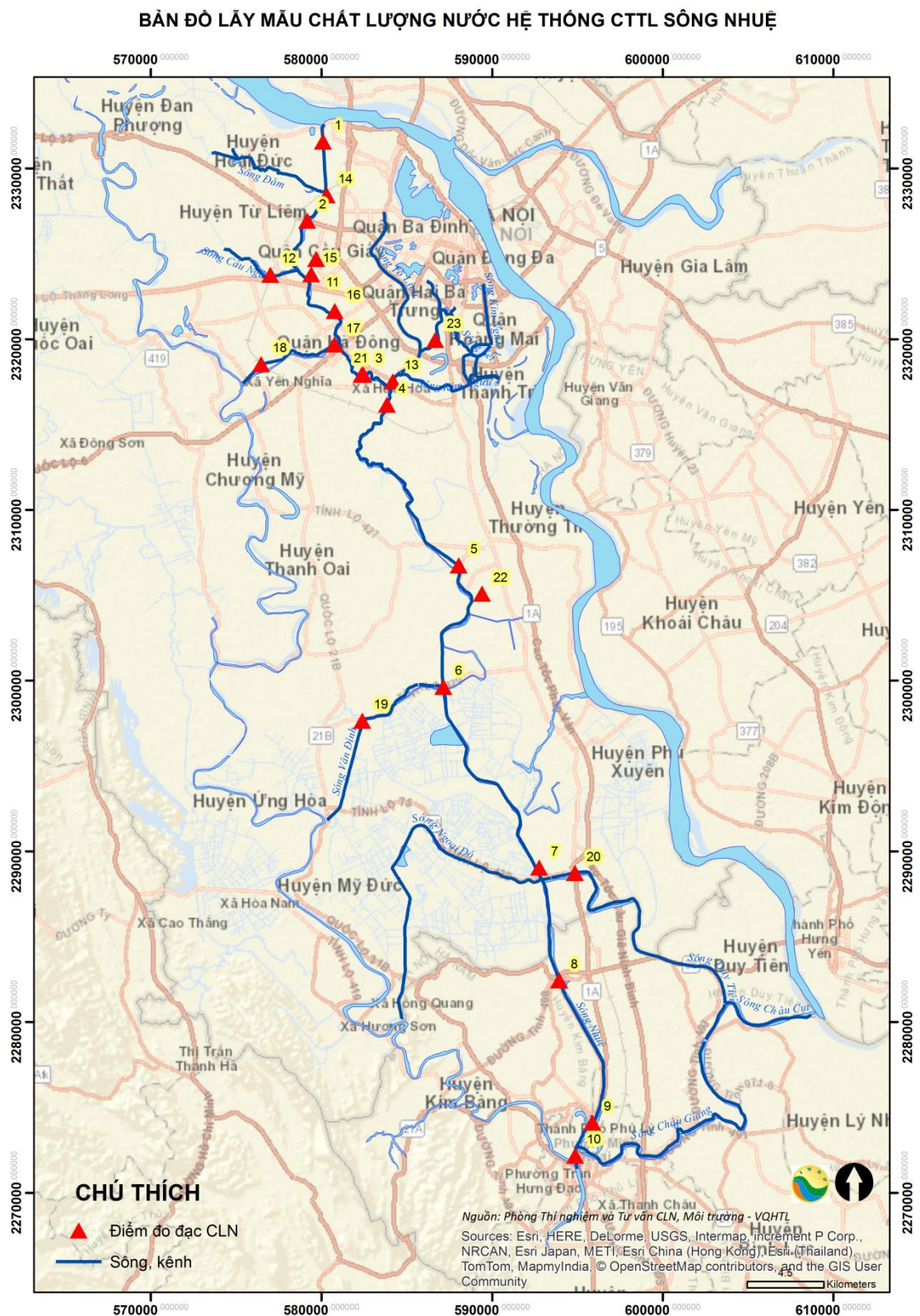
Bảng 1: MÔ TẢ TỔNG QUAN 23 VỊ TRÍ QUAN TRẮC

TT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	MÔ TẢ
I Trục chính sông Nhuệ		
1	Cống Liên Mạc	Là vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ, nằm ở quận Bắc Từ Liêm. Gồm 2 cống điều tiết Liên Mạc 1, và Liên Mạc 2. Cống Liên Mạc 1 thường mở thông, Liên Mạc 2 vận hành đóng mở theo mực nước ngoài sông Hồng để lấy nước vào trong hệ thống.
2	Cầu Diễn	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm giao cắt của QL32 qua sông Nhuệ phân chia ranh giới 2 quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm. Dòng chính sông Nhuệ tại vị trí này đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La vào.
3	Đập Hà Đông	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập, nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc khu vực quận Hà Đông. Tại vị trí này dòng chính sông Nhuệ đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.
4	Cầu Tó	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Dòng chính sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.

5	Cầu Xém	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thường Tín. Dòng chính sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.
6	Đập Đồng Quan	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu Đập thuộc địa phận huyện Phú Xuyên. Dòng chính sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.
7	Cầu Thần	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm ngăn cách giữa 2 huyện Phú Xuyên và Ứng Hòa. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.
8	Đập Nhật Tựu	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
9	Cống Lương Cồ	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
10	Cầu Phù Vân	Là điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.
II Điểm ô nhiễm nghiêm trọng, kênh trục chính và kênh tiêu		
11	Sông Đăm	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Vị trí đo đạc nằm ở hạ lưu sông Đăm, trước khi nhập vào sông Nhuệ, tại vị trí này sẽ khống chế toàn bộ lượng nước thải từ các hoạt động nông nghiệp, sản xuất của khu vực huyện Đan Phượng và một phần quận Bắc Từ Liêm.
12	Sông Cầu Ngà	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Nam Từ Liêm. Một phần diện tích tưới của huyện Hoài Đức lấy nước từ sông Cầu Ngà tuy nhiên hiện nay chất lượng nước sông bị ô nhiễm nặng nề, không đủ điều kiện cấp nước cho tưới.
13	Đập Thanh Liệt	Vị trí lấy mẫu nằm ở thượng lưu đập, khống chế toàn bộ nước thải từ nội thành Hà Nội qua sông Tô Lịch đổ vào sông Nhuệ. Những năm gần đây đập Thanh Liệt thường mở vào mùa mưa để tiêu nước từ nội thành ra sông Nhuệ, mùa khô đập Thanh Liệt thường đóng, nước sông Tô Lịch đưa về NMN Yên Sở để xử lý.
14	Kênh Xuân La	Vị trí lấy mẫu ở hạ lưu kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Kênh Xuân La bị ô nhiễm nặng do tiếp nhận toàn bộ nước thải từ quận Tây Hồ, Bắc Từ Liêm và 1 phần quận Cầu Giấy.
15	Kênh Phú Đô	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.

16	Kênh tiêu Trung Văn	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.
17	Cầu Am	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, khống chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.
18	Kênh La Khê	Vị trí đo đạc tại cầu La Khê trên kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn sau khi đã tiếp nhận nước thải sinh hoạt, nước thải nông nghiệp và nước thải một số làng nghề trong đó có nước thải dệt nhuộm từ làng nghề lụa Vạn Phúc.
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy. Các huyện Thanh Oai, Ứng Hòa lấy nước từ kênh Vân Đình để tưới. Vị trí lấy mẫu tại cầu Bàu trên kênh Vân Đình chịu ảnh hưởng của nước thải làng nghề mây tre đan quanh khu vực.
20	Kênh Duy Tiên	Vị trí đo đạc tại cầu Giẽ trên kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.
21	Kênh Yên Xá	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ. Nước thải từ quận Thanh Xuân, một phần huyện Thanh Trì và các bệnh viện lớn như bệnh viện 103, Viện Bỏng Quốc Gia, Viện K Tân Triều đổ vào kênh Yên Xá.
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Là một nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.
23	Kênh Hòa Bình	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ, do kênh Hòa Bình chịu ảnh hưởng của chất lượng nước sông Tô Lịch và nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi của các khu dân cư xung quanh hai bên bờ kênh, đặc biệt là nước thải từ khu nghỉ trang Văn Điển.

Hình 1: BẢN ĐỒ LẤY MẪU CLN HỆ THỐNG CTTL SÔNG NHUỆ NĂM 2023



2. Thông tin lúc lấy mẫu

Bảng 2: TỔNG HỢP THÔNG TIN QUAN TRẮC

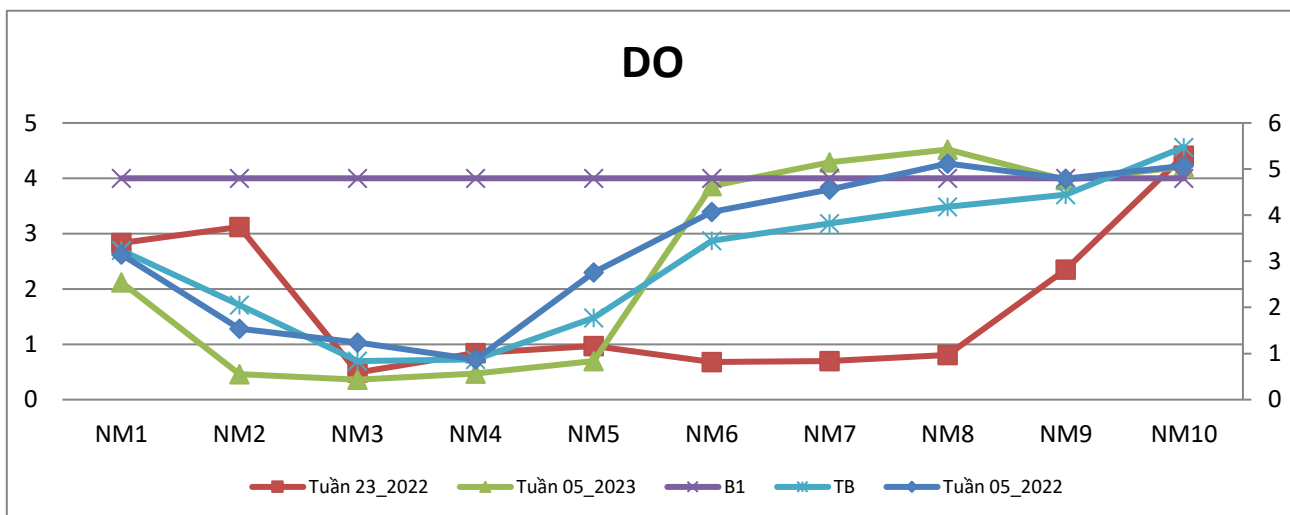
STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
1	NM1	Cống Liên Mạc	Trời mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 98%, mật độ mây 100%, gió ĐN 8 km/h. Mực nước thấp. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy chậm, ngược ra sông Hồng. Cổng Liên Mạc 1, 2 mở thông.	Trong tuần 05 từ 01/02/2023 đến 07/02/2023 trong HTCTTL Sông Nhuệ đang bắt đầu làm đất chuẩn bị cấy vụ Đông Xuân. Một số diện tích cấy sớm đã làm đất xong chuẩn bị cấy; các diện tích còn lại đang tích cực lấy nước để làm đất.
2	NM 2	Cầu Diễn	Trời mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐN 19 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Mực nước thấp.	
3	NM 3	Đập Hà Đông	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình, đập mở. Trên sông có nhiều rác thải.	
4	NM 4	Cầu Tó	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều rác thải.	
5	NM 5	Cầu Xém	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều rác thải.	
6	NM 6	Đập Đồng Quan	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Trên sông sạch. Nước màu xanh lục.	Nước đứng, không có dòng chảy. Đập mở thông. Mực nước trung bình.	
7	NM 7	Cầu Thàn	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Trên sông có nhiều bèo.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Nước màu nâu đục, mực nước trung bình.	
8	NM 8	Đập Nhật Tựu	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 99%, gió ĐN 15 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy nhỏ về hạ lưu qua đáy cống. Đập đóng. Hạ lưu đập dồn ứ nhiều bèo.	
9	NM 9	Cống Lương Cỏ	Trời mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 99%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm về phía hạ lưu. Mực nước trung bình. Cổng mở thông.	

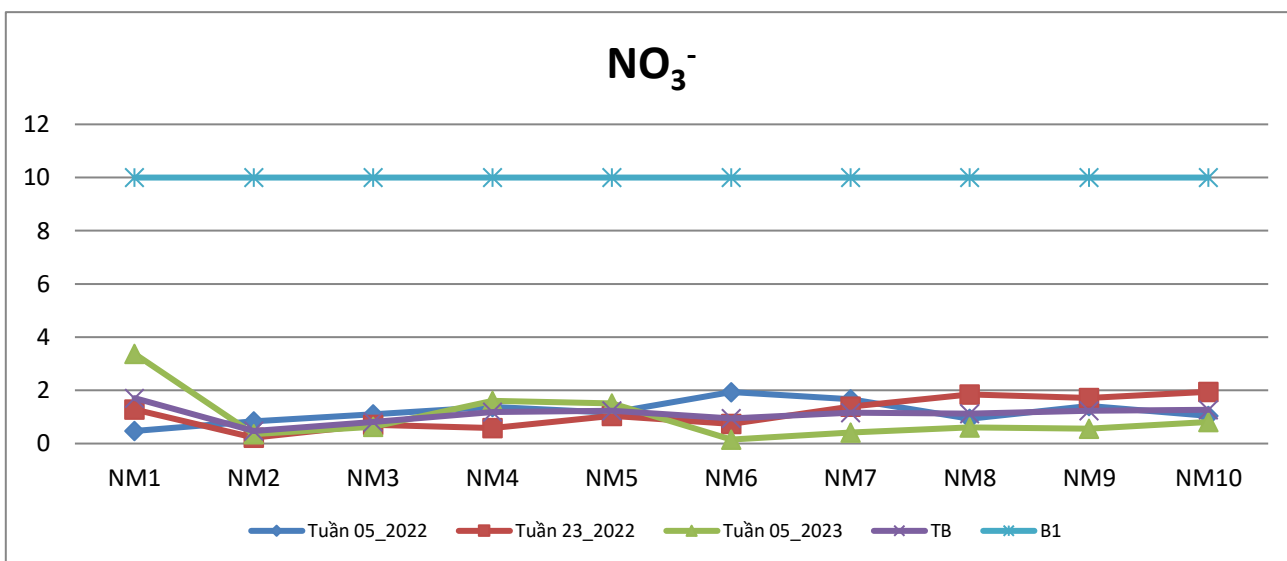
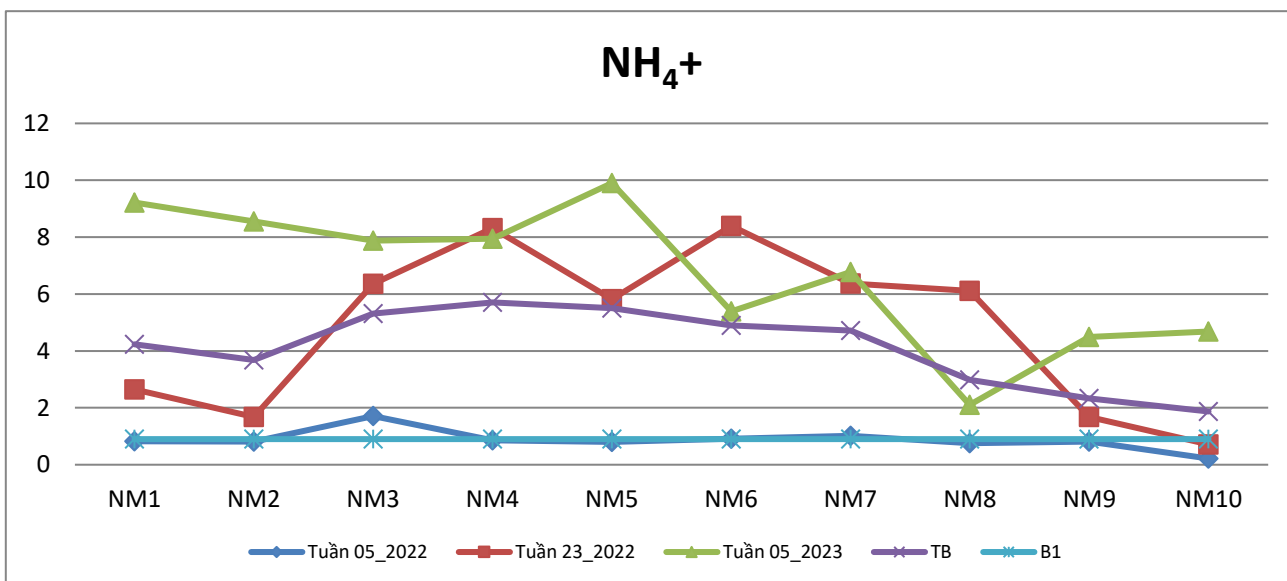
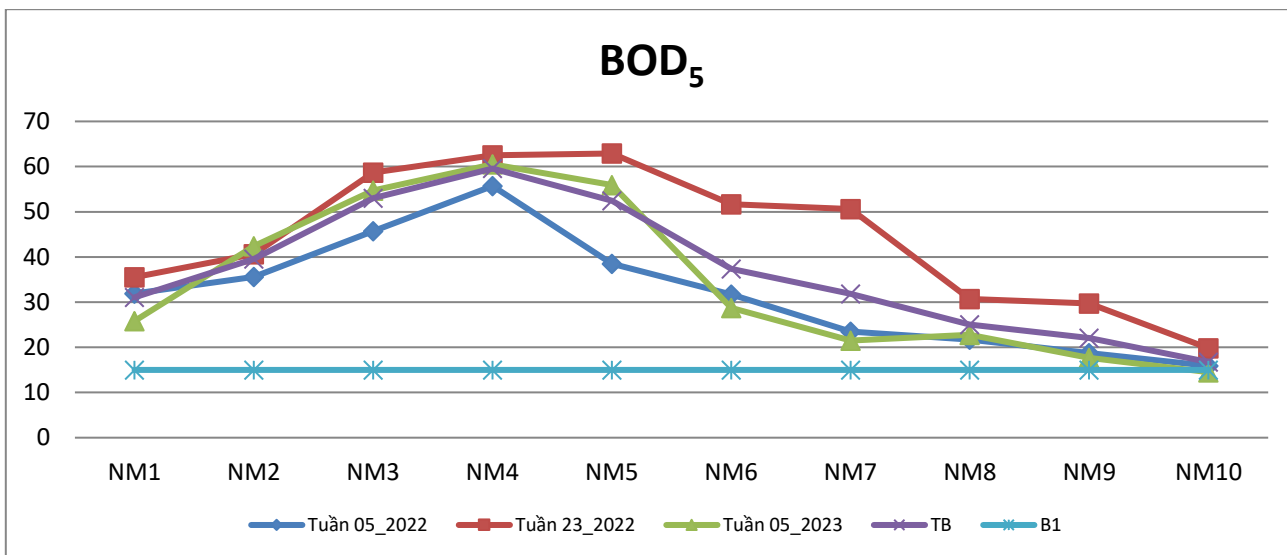
STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
10	NM 10	Cầu Phù Vân	Trời mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 99%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy, mực nước trung bình. Trên sông có nhiều bèo.	
11	NM 11	Sông Đăm	Trời mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐN 19 km/h. Khi nhập lưu sông Nhuệ nước chảy ngược về hạ lưu.	Dòng chảy nhanh ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	
12	NM 12	Sông Cầu Ngà	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐN 17 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối. Mực nước thấp.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ.	
13	NM 13	Đập Thanh Liệt	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu đen.	Đập đóng, không có dòng chảy, mực nước thượng lưu cao hơn hạ lưu.	
14	NM 14	Kênh Xuân La	Trời mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐN 19 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Nước màu xám đen, mùi hôi thối.	Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ, mực nước trung bình.	
15	NM 15	Kênh Phú Đô	Trời mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 100%, gió ĐN 13 km/h. Nước màu xám đen.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cống mở, trạm bơm không hoạt động. Mực nước thấp.	
16	NM 16	Kênh tiêu Trung Văn	Trời mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 100%, gió ĐN 13 km/h. Nước màu xám đen, đục.	Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, trạm bơm không hoạt động, mực nước thấp. Cống mở hé.	
17	NM 17	Cầu Am	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Trên kênh có nhiều rác thải. Nước màu đen.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp.	
18	NM 18	Kênh La Khê	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Nước đứng, không có dòng chảy. Mực nước trung bình.	

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
19	NM 19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐN 15 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm hướng ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình.	
20	NM 20	Kênh Duy Tiên	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy rất chậm từ sông Nhuệ vào. Mực nước trung bình.	
21	NM 21	Kênh Yên Xá	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu xám đục.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cống mở. Mực nước thấp.	
22	NM 22	Sông Tô Lịch tại Khánh Hà	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước cao, hạ lưu cầu có nhiều rác thải.	
23	NM 23	Kênh Hòa Bình	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió ĐN 16 km/h. Nước màu xanh lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước trong kênh cao hơn ngoài sông.	

3. Kết quả đo đạc

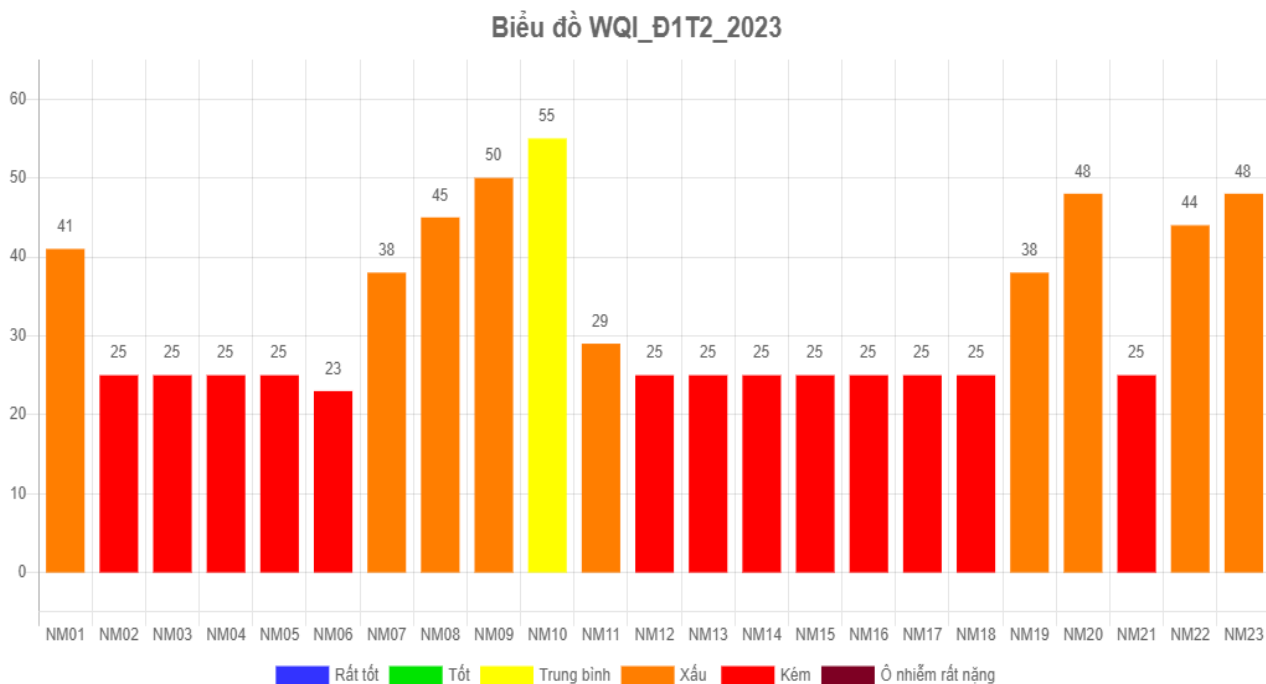
Giá trị các thông số DO, BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻ giữa Tuần 05 năm 2023 với cùng thời kỳ năm trước (Tuần 05 năm 2022) và đợt trước (Tuần 23 năm 2022) cho thấy: Hàm lượng DO Tuần 05 năm 2023 đoạn thượng lưu từ Liên Mạc tới cầu Xém thấp hơn cùng kỳ năm trước và đợt trước. Từ Đồng Quan về hạ lưu hàm lượng DO cao hơn đợt trước và cùng kỳ năm trước. Hàm lượng BOD₅ thấp hơn đợt trước nhưng cao hơn cùng kỳ năm trước. Hàm lượng NH₄⁺ cao hơn cùng kỳ năm trước và đợt trước. Hàm lượng NO₃⁻ thấp hơn đợt trước và cùng kỳ năm trước.





4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Kết quả tính toán WQI Đ1T2 năm 2023 tại 23 vị trí khảo sát trong HTCTTL Sông Nhuệ dao động trong khoảng 25 ÷ 55 cho thấy có 13 vị trí chất lượng nước thuộc loại V (kém) – nước bị ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai và không đủ tiêu chuẩn cấp nước cho tưới. Có 9 vị trí nước thuộc loại IV (xấu) – nước phục vụ giao thông thủy. Chỉ có 1 vị trí cầu Phù Vân chất lượng nước thuộc loại III (vàng) – nước sử dụng cho mục đích tưới tiêu.



II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 01/02/2023 đến ngày 07/02/2023

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Tuần 5 trùng với đợt xả nước số 2 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Dự báo mực nước tại các cống và trạm bơm dọc sông chính đều có xu thế tăng so với tuần trước. Cụ thể như sau:

Theo thông báo của Bộ NN&PTNT, đợt 2 lấy nước sẽ diễn ra trong thời gian 8 ngày, bắt đầu từ 0h00 ngày 1/2 đến 24h00 ngày 8/2. Trong thời gian này, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ tăng cường vận hành phát điện tối đa công suất các tổ máy trước khoảng 2-3 ngày, dòng chảy được duy trì ở mức cao (mực nước dự kiến trung bình đạt khoảng 1,8-1,9 m tại trạm Thủy văn Hà Nội) nên các công trình thủy lợi sẽ có điều kiện thuận lợi để lấy nước.

Tuần tới dự báo mực nước trung bình tại các công trình lấy nước dọc sông chính đều có xu thế tăng so với tuần trước.

Bảng 3: NGUỒN NƯỚC TẠI CÔNG, TRẠM BƠM VÙNG NGHIÊN CỨU

TT	Tên công trình	Mức nước thiết kế (m)		MNTĐ trung bình tuần trước (m)	Mức nước dự báo tuần tới: (m)			Đánh giá
		Min	Thiết kế		Trung bình	Max	Min	
1	TB Trung Hà 2	7,0	7,5	4.75	7.24	7.39	5.88	Tăng
2	TB Phù Sa	3,0	5,2	1.45	2.22	2.42	1.07	Tăng
3	TB Đan Hoài	1,1		1.32	2.31	2.52	1.24	Tăng
4	TB Hồng Vân	0,2	1,0	0.95	2.04	2.35	1.21	Tăng
5	TB Thụy Phú	0,5	1,0	0.78	1.50	1.99	0.86	Tăng
6	TB DC Phù Sa	1,0	2,0	1.45	2.22	2.42	1.07	Tăng
7	Công Cẩm Đình	3,0		1.40	2.04	2.29	1.10	Tăng
8	Công Liên Mạc	1,0	3,8	1.12	1.02	1.59	0.41	Tăng

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Kết quả dự báo cho thấy: Hàm lượng DO, NH_4^+ tăng ở đoạn thượng lưu; giảm ở trung lưu và xu thế tăng ở hạ lưu. Hàm lượng DO tại các kênh ô nhiễm nghiêm trọng có xu thế tăng nhưng tại các kênh trực chính lại có xu thế giảm. Hàm lượng BOD_5 , NO_3^- có xu thế tăng trên toàn bộ hệ thống.

Bảng 4: SỐ LIỆU DỰ BÁO CLN TUẦN 5 NĂM 2023 HTCTTL SÔNG NHUỆ

Vị trí	Thực đo	DO							B1-QCVN 08-2015	Đánh giá
		Tuần dự báo								
		01/02	02/02	03/02	04/02	05/02	06/02	07/02		
Công Liên Mạc	2.12	0.97	1.02	1.06	1.10	1.14	1.18	1.21	4	G
Cầu Diên	0.46	2.66	2.67	2.67	2.67	2.67	2.67	2.67	4	T
Đập Hà Đông	0.36	1.25	1.25	1.26	1.26	1.26	1.26	1.26	4	T
Cầu Tó	0.47	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65	4	T
Cầu Xém	0.7	0.37	0.63	0.63	0.63	0.64	0.64	0.64	4	G
Đập Đồng Quan	3.86	2.00	1.71	1.71	1.71	1.71	1.71	1.71	4	G
Cầu Thân	4.29	0.49	0.49	0.49	0.51	0.54	0.51	0.44	4	G
Đập Nhật Tựu	4.52	3.00	5.04	5.04	5.04	5.04	5.04	5.04	4	G-T
Công Lương Cổ	3.97	2.00	4.42	4.42	4.42	4.42	4.42	4.42	4	G-T
Cầu Phù Vân	4.21	2.00	4.41	4.41	4.41	4.41	4.41	4.41	4	G-T
Sông Đám	3.76	3.81	3.81	3.81	3.81	3.81	3.81	3.81	4	T
Sông Cầu Ngà	0.72	0.70	0.70	0.70	0.70	0.70	0.70	0.70	4	G
Đập Thanh Liệt	0.32	0.36	0.36	0.36	0.36	0.36	0.36	0.36	4	T
Kênh Xuân La	0.79	1.29	1.29	1.29	1.29	1.29	1.29	1.29	4	T
Kênh Phú Đô	0.82	0.91	0.91	0.91	0.91	0.91	0.91	0.91	4	T

Kênh Trung Văn	0.71	1.41	1.41	1.41	1.41	1.41	1.41	1.41	4	T
Cầu Am	0.42	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30	4	G
Kênh La Khê	0.68	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	4	G
Kênh Vân Đình	4.38	4.15	4.15	4.15	4.15	4.15	4.15	4.15	4	G
Kênh Duy Tiên	4.56	3.19	3.19	3.19	3.19	3.19	3.19	3.19	4	G
Kênh Yên Xá	0.7	1.58	1.58	1.58	1.58	1.58	1.58	1.58	4	T
Sông Tô Lịch	4.76	4.63	4.63	4.63	4.63	4.63	4.63	4.63	4	G
Kênh Hòa Bình	4.07	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4	T
BOD₅									B1- QCVN 08- 2015	Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		01/02	02/02	03/02	04/02	05/02	06/02	07/02		
Cống Liên Mạc	25.8	47.65	48.08	48.48	48.85	49.19	49.50	49.79	15	T
Cầu Diễn	42.4	42.81	42.64	42.62	42.63	42.64	42.64	42.64	15	T
Đập Hà Đông	54.7	54.96	54.88	54.86	54.86	54.86	54.86	54.86	15	T
Cầu Tó	60.5	60.02	60.01	59.99	59.99	59.99	59.99	59.99	15	G
Cầu Xém	55.9	62.11	60.14	60.11	60.10	60.11	60.12	60.13	15	T
Cầu Thần	28.7	45.90	45.90	45.90	45.90	45.90	45.90	45.90	15	T
Đập Đồng Quan	21.5	59.32	59.76	60.45	60.33	60.16	60.74	61.76	15	T
Đập Nhật Tựu	22.8	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	15	T
Cống Lương Cỏ	17.7	19.74	19.74	19.74	19.74	19.74	19.74	19.74	15	T
Cầu Phù Vân	14.5	19.80	19.80	19.80	19.80	19.80	19.80	19.80	15	T
Sông Đám	30.8	32.70	32.70	32.70	32.70	32.70	32.70	32.70	15	T
Sông Cầu Ngà	58.5	55.90	55.90	55.90	55.90	55.90	55.90	55.90	15	G
Đập Thanh Liệt	63.7	62.70	62.70	62.70	62.70	62.70	62.70	62.70	15	G
Kênh Xuân La	60.8	60.50	60.50	60.50	60.50	60.50	60.50	60.50	15	G
Kênh Phú Đô	63.8	53.80	53.80	53.80	53.80	53.80	53.80	53.80	15	G
Kênh Trung Văn	60.7	59.60	59.60	59.60	59.60	59.60	59.60	59.60	15	G
Cầu Am	66.9	62.50	62.50	62.50	62.50	62.50	62.50	62.50	15	G
Kênh La Khê	60.3	62.70	62.70	62.70	62.70	62.70	62.70	62.70	15	T
Kênh Vân Đình	22.8	30.70	30.70	30.70	30.70	30.70	30.70	30.70	15	T
Kênh Duy Tiên	18.7	45.70	45.70	45.70	45.70	45.70	45.70	45.70	15	T
Kênh Yên Xá	53.7	59.80	59.80	59.80	59.80	59.80	59.80	59.80	15	T
Sông Tô Lịch	15.3	24.40	24.40	24.40	24.40	24.40	24.40	24.40	15	T
Kênh Hòa Bình	24.5	28.40	28.40	28.40	28.40	28.40	28.40	28.40	15	T

NH₄⁺									B1- QCVN 08-2015	Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		01/02	02/02	03/02	04/02	05/02	06/02	07/02		
Cống Liên Mạc	9.22	5.37	5.56	5.74	5.90	6.06	6.19	6.32	0.9	G
Cầu Diễn	8.55	4.26	4.22	4.21	4.21	4.21	4.21	4.21	0.9	G
Đập Hà Đông	7.88	7.51	7.49	7.48	7.48	7.48	7.48	7.48	0.9	G
Cầu Tó	7.94	8.83	8.83	8.82	8.82	8.82	8.82	8.82	0.9	T

Cầu Xém	9.9	9.30	8.86	8.85	8.85	8.85	8.85	8.85	0.9	G
Đập Đồng Quan	5.395	6.40	6.40	6.40	6.40	6.40	6.40	6.40	0.9	T
Cầu Thần	6.77	8.50	8.61	9.01	9.07	9.08	9.21	9.39	0.9	T
Đập Nhật Tựu	2.105	0.63	0.63	0.63	0.63	0.63	0.63	0.63	0.9	G
Cống Lương Cỏ	4.49	0.91	0.91	0.91	0.91	0.91	0.91	0.91	0.9	G
Cầu Phù Vân	4.68	0.92	0.92	0.92	0.92	0.92	0.92	0.92	0.9	G
Sông Đăm	10.37	1.63	1.63	1.63	1.63	1.63	1.63	1.63	0.9	G
Sông Cầu Ngà	11.09	7.17	7.17	7.17	7.17	7.17	7.17	7.17	0.9	G
Đập Thanh Liệt	8.245	9.56	9.56	9.56	9.56	9.56	9.56	9.56	0.9	T
Kênh Xuân La	10.44	8.76	8.76	8.76	8.76	8.76	8.76	8.76	0.9	G
Kênh Phú Đô	7.075	11.70	11.70	11.70	11.70	11.70	11.70	11.70	0.9	T
Kênh Trung Vãn	6.475	9.20	9.20	9.20	9.20	9.20	9.20	9.20	0.9	T
Cầu Am	6.295	15.70	15.70	15.70	15.70	15.70	15.70	15.70	0.9	T
Kênh La Khê	10.07	13.90	13.90	13.90	13.90	13.90	13.90	13.90	0.9	T
Kênh Vân Đình	4.27	1.05	1.05	1.05	1.05	1.05	1.05	1.05	0.9	G
Kênh Duy Tiên	5.265	6.26	6.26	6.26	6.26	6.26	6.26	6.26	0.9	T
Kênh Yên Xá	2.012	6.59	6.59	6.59	6.59	6.59	6.59	6.59	0.9	T
Sông Tô Lịch	1.942	0.87	0.87	0.87	0.87	0.87	0.87	0.87	0.9	G
Kênh Hòa Bình	1.654	1.76	1.76	1.76	1.76	1.76	1.76	1.76	0.9	T

NO ₃ ⁻									B1- QCVN 08- 2015	Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		01/02	02/02	03/02	04/02	05/02	06/02	07/02		
Cống Liên Mạc	3.375	3.75	3.73	3.71	3.69	3.67	3.65	3.64	10	T
Cầu Diễn	0.36	3.85	3.84	3.84	3.84	3.84	3.84	3.84	10	T
Đập Hà Đông	0.628	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	10	T
Cầu Tó	1.609	4.06	4.06	4.05	4.05	4.05	4.05	4.05	10	T
Cầu Xém	1.508	3.95	4.08	4.07	4.06	4.05	4.05	4.06	10	T
Đập Đồng Quan	0.151	5.52	5.52	5.52	5.52	5.52	5.52	5.52	10	T
Cầu Thần	0.419	4.07	4.08	4.55	4.66	4.60	4.45	4.28	10	T
Đập Nhật Tựu	0.608	3.17	3.17	3.17	3.17	3.17	3.17	3.17	10	T
Cống Lương Cỏ	0.563	8.66	8.66	8.66	8.66	8.66	8.66	8.66	10	T
Cầu Phù Vân	0.81	8.65	8.65	8.65	8.65	8.65	8.65	8.65	10	T
Sông Đăm	4.185	3.81	3.81	3.81	3.81	3.81	3.81	3.81	10	G
Sông Cầu Ngà	0.808	2.63	2.63	2.63	2.63	2.63	2.63	2.63	10	T
Đập Thanh Liệt	0.396	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	4.17	10	T

Kênh Xuân La	0.938	0.99	0.99	0.99	0.99	0.99	0.99	0.99	0.99	10	T
Kênh Phú Đô	0.812	3.26	3.26	3.26	3.26	3.26	3.26	3.26	3.26	10	T
Kênh Trung Văn	0.486	6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	10	T
Cầu Am	1.283	2.58	2.58	2.58	2.58	2.58	2.58	2.58	2.58	10	T
Kênh La Khê	1.388	1.07	1.07	1.07	1.07	1.07	1.07	1.07	1.07	10	G
Kênh Vân Đình	0.45	9.60	9.60	9.60	9.60	9.60	9.60	9.60	9.60	10	T
Kênh Duy Tiên	0.383	8.61	8.61	8.61	8.61	8.61	8.61	8.61	8.61	10	T
Kênh Yên Xá	3.713	15.70	15.70	15.70	15.70	15.70	15.70	15.70	15.70	10	T
Sông Tô Lịch	1.305	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	10	T
Kênh Hòa Bình	1.609	10.61	10.61	10.61	10.61	10.61	10.61	10.61	10.61	10	T

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Trong tuần 5 năm 2023 CLN trong HTCTTL Sông Nhuệ tuy có xu thế giảm ô nhiễm so với tuần trước do hệ thống lấy được nước vào qua cống Liên Mạc và trên lưu vực có mưa do ảnh hưởng của không khí lạnh.

2. Dự báo chung

Với dự báo mực nước tại cống Liên Mạc tăng trong tuần tới do đó khả năng lấy nước vào và trên lưu vực có mưa do ảnh hưởng của không khí lạnh nên CLN trong HTCTTL Sông Nhuệ có xu thế giảm ô nhiễm.

3. Đề xuất

Tận dụng chênh lệch mực nước mở cống Liên Mạc, Tắc Giang lấy nước vào. Căn cứ vào biên độ thời gian triều để vận hành đóng mở đập Nhật Tựu, Tắc Giang lấy nước vào cho đoạn hạ lưu./.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Lưu Phòng TN&TV QL CLN,MT.